

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHỈ SĨ NG

THOẠI DẪN NHƯ A TRỰC TIẾP TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

SEMI-DIRECT INTRODUCING CONVERSATION IN LITERATURE WORKS

MAI THỊ HUYỀN

(TS; Trưởng Bộ phận Hết Học Bộ phận)

Abstract: Conversation in literature works are considered as introducing conversation with two basic types: direct speech and indirect speech. However, there is another type of introducing conversation. This article indicates some special features of this type on the basis of analysing direct speech and indirect speech.

Key words: introducing conversation; semi-indirect.

1. Hội thoại là một trong những hoạt động cơ bản của con người. Có thể nhận thấy khó có một hoạt động nào của con người với nhau mà không có sự tham gia của hội thoại. Bởi vậy, hội thoại cũng là một mảng hiện thực của xã hội, phải được phản ánh vào văn bản như một vật thể muốn phản ánh hiện thực đúng như nó vốn có trong cuộc sống.

Tất cả các loại hình văn bản, biên bản, báo cáo, tường thuật... đều cần đến sự tái hiện hội thoại. Xã hội càng hội nhập thì hoạt động hội thoại càng phát triển, mở rộng và sự tái hiện hội thoại vào văn bản càng trở nên phổ biến. Thuật ngữ “sự tái hiện hội thoại” được dịch từ thuật ngữ “representation of speech”. Tại đây chúng tôi sẽ dùng cách gọi: sự dẫn thoại. Tác phẩm văn học từ xưa càng cần đến sự dẫn thoại. Chúng tôi sẽ gọi là hội thoại được đưa vào văn bản thông qua sự dẫn thoại của người viết là *thoại dẫn* (reported speech). Thực tế tình cũng không hiếm những thoại dẫn. Xuân Diệu mở đầu bài thơ “Lời kể nữ” của mình bằng một dẫn thoại:

Khách ngồi lại cùng em giây lát nửa/ Vội vàng chi! Trăng sáng quá khách ơi/Đêm nay

rằm, y/n tiếng sáng trên trời/ Khách không lòng em cô độc quá.

Hay trong “Đây thôn Vĩ Dạ” cũng được Hàn Mặc Tử mở đầu bằng một sự dẫn thoại:

Sao anh không với chơi thôn Vĩ?/Nhìn hàng cau nở ngả lên/Vườn ai mướt quá xanh như ngọc/Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Thoại dẫn như vậy là một mảng cấu thành hình thức và nội dung của tác phẩm văn học.

2. Sự dẫn thoại (của người viết) và các thoại dẫn đã được nói đến từ thời Hi Lạp cổ đại. Platon, khi bàn về các phương thức tái sự đã phân biệt các phương thức cơ bản: *diegesis*, (tiếng Anh: *telling*; tiếng Việt: kể) và *mimesis* (tiếng Anh: *showing*; tiếng Việt: diễn/trình diễn). Aristote, học trò của Platon mở rộng khái niệm *mimesis* (diễn) thành khái niệm *imitation* (bắt chước) và coi *diegesis* (kể) là một dạng của “bắt chước”. Thoại dẫn trong tác phẩm văn bản chính là “bắt chước” là hội thoại trong hội thoại diễn ra. Như có sự “bắt chước” - thoại dẫn mà chúng ta có các thoại dẫn trong diễn ngôn nói và viết. Thoại dẫn là hội thoại vốn có trong hội thoại thực sự của đời sống, được đưa vào

diễn ngôn nói (lời nói) của người nói (học viết). Ví dụ:

*He looked at her furiously and said: "Why can't you stop it? Really! Why do you go on with this comedy?"** (Hắn nhìn cô ta mặt cách giận giận và nói: "Sao cô không thôi đi? Quái thật! Sao cô cứ tiếp tục mãi cái trò hài đó?").

Đây là một thoại đơn, trong đó có lời diễn của người nói "*He... said*" và lời thoại thực sự của một "*he*" (ngôi thứ ba nào đó) "*Why... comedy?*".

Có hai hình thức đơn thoại cơ bản: Trực tiếp (direct speech; TDTT) và (indirect speech; TDGT).

- TDTT là sự thể hiện lời nói của một người và cấu trúc cú pháp chân thực của nó được tái hiện nguyên vẹn trong thoại đơn. Ví dụ:

She said: "I shall come here again tomorrow." (Cô ta nói: "Ngày mai tôi sẽ lại đến đây.")

TDTT "bỏ qua điểm điểm của bản chất tự nhiên của người phát ngôn và chỉ nội dung, giá trị chân thực của lời nói" [2].

- TDGT, theo Katie, là lời của người nói được đưa vào cùng một câu có liên từ "*that*" (rằng) sau một động từ nói năng hoặc một mệnh đề nói năng như *ask, say, tell, report...*Khi được thuật lại (đơn lời) gián tiếp thì lời trực tiếp được chuyển động. Ví dụ:

She said: "I shall come here again tomorrow" (Cô ta nói: Tôi sẽ trở lại đây ngày hôm sau). Lời nói này sẽ được biến đổi thành TDGT: *She said that she would go there next day* (Cô ta nói rằng cô ta sẽ trở lại đây ngày hôm sau).

Có thể thấy, TDGT được xây dựng từ TDTT theo những quy tắc nhất định. Có thể hình dung quá trình chuyển từ lời thoại thực sự trong đời sống thành thoại đơn trong diễn ngôn như sau: Lời thoại thực sự → TDTT → TDGT.

M. A.K Halliday gọi quá trình đơn thoại bằng thuật ngữ câu chiếu xạ và câu được chiếu xạ; hình thức trực tiếp là động cú, còn hình thức gián tiếp là phụ cú. Ông cho rằng "chức năng lý tưởng của cấu trúc động cú là tái hiện ngôn từ, trong khi đó chức năng lý tưởng của phụ cú là diễn tả cái nghĩa hay cái cốt lõi" [5]. Theo A.S Thompson và A.V Martinet thì lời nói trực tiếp là lớp lời nguyên văn câu của người nói. Lời nói lớp lời được đặt trong dấu ngoặc kép và sau một dấu phẩy hoặc dấu hai chấm. Ví dụ:

He said: I have lost my umbrella. (Anh ta nói: Tôi đã bỏ quên một cây dù rồi).

Lời nói gián tiếp, chúng ta lớp lời nội dung của lời nói, không cần phải chính xác theo từ: *He said (that) he had lost his umbrella.* (Anh ta nói rằng anh ta đã bỏ một cây dù).

3. Trên cơ sở lý thuyết ngữ động học, các vấn đề cơ bản của TDTT và TDGT có thể được lý giải như sau:

1) *TDTT có hai điểm nhìn* vì đây có hai cuộc đời thoại: cuộc đời thoại thứ nhất gọi là người diễn (người nói, nói, viết) với đặc điểm: cuộc đời thoại thứ hai: gọi là chủ thể của lời được diễn với người nghe của anh ta. Cũng có thể nói, trong TDTT thì cuộc thoại con - cuộc thoại thứ hai được chia động trong cuộc thoại lớn - cuộc thoại thứ nhất. Điều đó có nghĩa là: cuộc thoại thứ nhất là thể hiện thì phát ngôn, cuộc thoại thứ hai là cuộc thoại đã xảy ra trước đó. Có xảy ra trước thì mới diễn lại được, động từ nói năng biểu thị hành động ngôn ngữ tạo ra cuộc thoại lớn (dùng trong chức năng miêu tả, không dùng trong chức năng ngữ vi) phải thể hiện quá khứ và chủ ngữ của nó (Ví dụ: "*she*" trong "*she said...*") phải thể hiện ngôi thứ ba là vì vậy. Ở TDTT, điểm nhìn của lời diễn là điểm nhìn của người diễn trình bày cho đặc điểm như biết, còn trong lời được diễn với người nghe của anh ta. Điểm nhìn này đặc biệt với điểm

nhìn c a ng i d n. B i vì khi ta trò chuy n v i ng i nghe c a mình thì ta không bi t đ n, không nghĩ r ng có m t ng i nào đó l i cu c trò chuy n v i ng i nghe c a mình thì ta không bi t không bi t đ n, không nghĩ r ng có m t ng i nào đó l i d n l i cu c trò chuy n c a mình cho ng i khác.

2) *TDGT ch có m t đi m nhìn* vì TDGT, l i nói th c s không còn nguyên v n n a. Nó đ c miêu t l i nh m t b ph n thông tin mà ng i d n mu n truy n đ t l i cho đ c gi c a mình. Đi m nhìn c a ch th l i đ c d n không còn, b i vì ở đây không còn cu c đ i tho i n a. Ngay c ý nghĩ gián ti p cũng v y. Ý nghĩ c a nhân v t không còn là ý nghĩ m t cách đ c l p n a. Ví d :

C nghĩ b ng cũng ph i có nh ng th ng đ u bò ch ? Không có nh ng th ng đ u bò thì l y ai mà tr nh ng th ng đ u bò? [3, tr.42].

3) *T t c các đ ng t l i đ c d n tr c ti p trong TDTT i th i hi n t i l i chuy n thành th i quá kh trong l i đ c d n gián ti p*; ngôi th nh t - ch ng c a các đ ng t đó l i chuy n thành ngôi th ba, th i gian và không gian thay đ i. Ví d sau đây s làm sáng t căn nguyên c a s thay đ i này:

Gi đ nh: Ngày 1.3, anh Tu n nói v i ch Mai “Ngày 10.3 tôi s mang con lên Hà N i thăm cô đ y”. Đ n ngày 10.3, m t anh Hùng nào đó, d n l i l i nói đó cho m t ông H i nào đó m t cách tr c ti p thì s nói: Ngày 1.3 anh Tu n nói v i ch Mai: “Ngày 10.3 tôi s mang con lên Hà N i thăm cô đ y!”. Nh ng n u d n gián ti p thì anh Hùng s nói: Ngày 10.3 anh Tu n nói v i ch Mai hôm nay anh y mang con lên đây thăm ch y.

So sánh l i d n TDTT v i TDGT s th y ngay là, khi d n gián ti p thì đi m m c đ đ nh v không gian và th i gian là th i hi n t i phát ngôn gi a ng i d n (anh

Hùng) và ng i nghe (ông H i). Vì v y, cái th i gian “10.3” s đ i thành “hôm nay” - t c là đ i thành th i gian phát ngôn gi a anh Hùng và ông H i, cũng nh không gian “Hà N i” đ c chuy n thành “đây”. Và chúng ta cũng th y ngay “cô” trong l i tho i c a anh “Tu n” là ngôi th hai (cô), nh ng trong l i d n và l i đ c d n gián ti p đ u chuy n thành ngôi th ba, c anh Tu n cũng v y. Đây là ngôi th ba đ i v i anh Hùng và đ i v i ông H i.

4) *L i đ c d n TDGT ch còn l i n i dung m nh đ - l i miêu t (có nghĩa là m t hi u l c l i và các t c m thán không th t i hi n đ c trong TDGT là vi*: Theo lý thuy t h i tho i, l i t l i c a m t ng i nói trong cu c tho i ít nh t ph i là m t tham tho i, có hành vi ch h ng và hành vi ph thu c. Tham tho i th ng là phát ngôn ng vi, trong đó hành vi ch h ng th ng là bi u th c ng vi và các thành ph n khác (các hành vi ph thu c). Phát ngôn ng vi t ng minh s có đ ng t ng vi và các đ u hi u ng vi. Còn phát ngôn ng vi nguyên c p không có đ ng t ng vi, ch có các đ u hi u ng vi. “Đó là nh ng phát ngôn th c s tr c ti p” [4]. N u d n đ y đ trong TDTT thì phát ngôn ng vi t ng minh s đ c d n c v i các đ u hi u ng vi c a nó (đ ng t ng vi và các đ u hi u ng vi). Còn khi d n trong TDGT, vì không còn là s nói năng th c s n a nên đ ng t ng vi và các đ u hi u ng vi cũng không còn. Ví d, trong truy n ng n “Lão H c” c a Nam Cao, có m t TDGT nh sau:

Tôi m i lão hút thu c. [3, tr.247]

Gi đ nh nhân v t “tôi” th c hi n l i m i th c s ngoài đ i, thì anh ta ph i nói: “M i c hút tr c đi !”. Và n u l i nói này đ c d n TT thì s là:

Tôi nói: “M i c hút tr c đi !”.

Trong tham tho i “m i” này, “m i” đ c dùng nh m t đ ng t ng vi; “đi !” là đ u

hiếu ngữ vì của hành vi “mĩ”. Trong lối diễn gián tiếp thì “mĩ” một hiếu là ngữ vì, chuyển thành động từ miêu tả cái hành vi mà “tôi” thực hiện và dấu hiếu ngữ vì “đi!” cũng không còn gì là động từ nữa.

Tôi đó có thể khái quát như sau: Các động từ ngữ vì trong phát ngôn ngữ vì tiếng mình vẫn được trình bày cho các cuộc thoại thực sự sẽ được gì nguyên vẹn tính chất ngữ vì tiếng mình trong diễn trình tiếp; còn khi diễn gián tiếp thì chúng một đi chức năng ngữ vì và được miêu tả hoá bằng một phát ngôn miêu tả. Điều này sẽ gây thích lý do vì sao cảm thán không thể diễn gián tiếp. Là vì, các yếu tố cảm thán cũng đóng vai trò của dấu hiếu ngữ vì của hành vi cảm thán. Ngữ pháp ta chỉ thấy ra là cảm thán khi kích thích mạnh xuất hiện ngay khi nói năng - tức là ngay khi cảm thán. Khi diễn lại trong TDGT thì tính chất thực thoại không còn nữa. Cho nên, nếu diễn nguyên vẹn yếu tố cảm thán thì sẽ là “vô duyên”.

5) Trong lối diễn của TDTT cũng như TDGT không chỉ có các yếu tố ngôn ngữ mà còn có cả các yếu tố kèm lời, phụ lời là vì: Trong hội thoại thực tế, một lượt lời có rất nhiều yếu tố ngoài ngôn ngữ, đó là những yếu tố kèm lời như: giọng điệu, cách thức, tình cảm, thái độ, trạng thái...; những yếu tố phi lời như: điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt... Khi diễn trình tiếp, những yếu tố này một phần thể hiện ngay trong ngôn ngữ (nếu là nói) và một phần được diễn lại hoàn toàn trong lối diễn, của người diễn (nếu là viết). Chính điều này làm cho hội thoại trong tác phẩm viết gần với thực tế hơn - thậm chí còn thực tế hơn cả thực tế vì nó cho phép người đọc “sống” với cả điệu sống của nhân vật. Không chỉ bằng lối thoại mà còn bằng cả ý nghĩ của họ nữa. Họ nữa, trong quá trình diễn thoại, thái độ của người diễn được lồng một cách tinh nhuệ trong lối diễn những yếu tố phi lời, kèm lời này. Ví dụ:

TDTT: (...) rồi đi giọng của thân mật hơn:

- Vả bao giờ thôi? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước? [3, tr.35]

Học TDGT:

Lão bò nhừ của và hời Chí Phèo rằng ngời ta đứng lên bằng cái gì. [3, tr. 48]

Thái độ “thân mật” của Bá Kiến (“C”) đối với Chí Phèo hay sẽ miêu tả cách thức “Bò nhừ của” của “Lão” khi hời Chí Phèo “Ngời ta đứng lên bằng cái gì” không chỉ diễn tả thực chất là diễn thái độ thân mật cũng như cách thức “bò” của “Lão” (T Lãng) mà chính là sẽ nhận xét, cách đánh giá của người diễn - người kể với nhân vật (của mình). Điều này càng cho thấy rõ hơn cái gì là điểm nhìn của người viết (nói) trong lối diễn thoại.

4. Về mặt lý thuyết thì chỉ có TDTT và TDGT, tuy nhiên, qua thực tế khảo sát cho thấy, còn có một cách thức diễn thoại khác đặc đáo, đó là *thoại diễn nội tâm tiếp* [cách gọi của tác giả Đỗ Hữu Châu]. Kiểu diễn thoại này xuất hiện rất ít trong các tác phẩm văn học. Nhưng trong các truyện ngắn của mình, Nam Cao đã sử dụng kiểu diễn thoại đặc biệt này với tần suất khá nhiều.

Thoại diễn nội tâm tiếp là kiểu thoại không hoàn toàn là thoại diễn gián tiếp, nhưng cũng không hoàn toàn là thoại diễn trình tiếp, tức vừa có yếu tố của thoại diễn trình tiếp vừa có yếu tố của thoại diễn gián tiếp. Theo khảo sát của chúng tôi, các truyện hợp diễn theo kiểu nội tâm tiếp trong truyện ngắn Nam Cao [3] gồm:

Hắn cứ chơi đùa chết mà nào đi ra thân hắn, đi ra cái thằng Chí Phèo! [tr. 32]

Hắn nghĩ rằng mà chơi cái đùa chết mà nào đi ra Chí Phèo? [tr.32]

Gặp ai hắn cũng bảo: hắn đến nhà của Bá Kiến đòi nợ đây! [tr.43] Lão bò nhừ của rồi hời Chí Phèo rằng: *ngời ta đứng lên bằng cái gì?* [tr.48]

Dì khen tôi già quá, khó nh th mà nh
đ c! [tr.335].

Ri ng i ta c c t nghĩa cho anh hiu:
làm sai ch ng có gì mà nh c, cũng là làm
vi c h đ y thôi, ai cũng ng i, không ch
đ ng ra cng đng thì mình đ ng ra cng
đng dùm cho c h (...) [tr.213].

H n là nhè h i tôi: Sao i b o h n là con
chó? [tr.86]

Thành th c hay m a mai? Đ i n v n
th ng nói th đ có c mà hà t i n và t yên
i mình m t chút [tr.378].

Ông b o: Ông khoá M n có lí s m y đi
n a, ông cũng không c n s; ông moi ch
nào ra cũng đ c ngay m t lúc dăm trăm
b c; ông khoá M n thì t i n đ u? [tr.258].

V n đ ng lí thuy t trên v tho i đ n tr c
t i p và tho i đ n gián t i p, chúng tôi s phân
tích m t s tr ng h p sau:

G p ai h n cũng b o: H n đ n nhà c Bá
Ki n đòi n đ y!

Vi t nh trên thì là TDDT. Còn n u nh ,
tho i đ n trên đ c vi t “G p ai h n cũng
b o h n đ n nhà Bá Ki n đ đòi n ”... thì rõ
ràng là m t TDGT vì đ i t ch ngôi trong
l i đ c đ n (h n đ n nhà Bá Ki n đ đòi
n) là ng i th ba - “h n”, và l i đ c đ n
mang phong cách c a TDGT. Th nh ng,
trong l i đ c đ n đ y (h n đ n nhà Bá
Ki n đòi n đ y!) v a có đ i t ch ngôi th
ba “h n”, có đ u hai ch m t tr c, l i v a
có IFIDS “đ y!” - mang đ c tr ng c a c
TDDT và TDGT, cho nên đ y là m t tho i
đ n n a tr c t i p.

S pha tr n gi a ki u TDDT và TDGT
t o thành “tho i đ n n a tr c t i p” có l là
m t ki u tho i đ n đ c bi t trong Truy n
ng n Nam Cao nói riêng và ph i ch ng,
chính ki u đ n tho i đ c đ áo này đã g p
ph n ghi đ u n “gi ng v n” c a Nam Cao
trong lòng ng i đ c s t nh i u th p k qua.

5. Nh v y, đ n tr c t i p hay đ n gián
t i p ho c đ n n a tr c t i p không bao gi
hoàn toàn là s ng u nhiên. M i m t đ ng
h i tho i đ u đ a đ n nh ng thông đ i p nh t

đ nh, t c nó hoàn toàn n m trong “ý đ sáng
tác” c a nhà văn. Vì v y, vi c xác đ nh các
hình th c h i tho i đ c đ n trong tác ph m
v n h c ph i đ c tính đ n đ u tiên tr c
khi ng i ta mu n gi i m a các t ng giá tr
mà tác ph m ngh thu t đó mang l i.

TÀI LI U THAM KH O

1. Ashe R.E. (1994), *Encyclopedia of language and linguistics*, Pergamon Press
(Tài li u d ch c a GS Đ H u Châu).

2. Đ H u Châu (2005), *Đ H u Châu*
tuy n t p, T p 2, Nxb Giáo d c.

3. Nam Cao (2013), *Tuy n t p Nam Cao*,
NXB Văn h c. (T li u nghiên c u)

4. Nguy n H i Hà (1192), *Thi pháp t i u*
thuy t L. Tônxtôi, Nxb Giáo d c.

5. Halliday M.A.K. (1985), *An*
introduction to fonctionnal grammar, Great
Britian (Tài li u d ch c a GS Đ H u Châu).

6. Thomson A.S, Martinet A.V (1991), *A*
pratical English grammar, Oxford University
Press.

7. Mai Th H o Y n (2001), *H i tho i*
trong truy n ng n Nam Cao, Lu n án Ti n sĩ
Ng v n.

8. Katie Wales (1989), *The dictionary of*
stylistics (Tài li u d ch c a GS Đ H u
Châu), Longman Group UK Limited.

* Các ví d b ng t i ng Anh đ n trong bài
vi t này đ c rút ra t các tác ph m “The
Encyclopedia of language and linguistic”
và “The dictionary of stylistics”.

ĐÍNH CHÍNH

T p chí *Ngôn ng & đ i s ng* s 7(237)-
2015 có đ ng bài c a tác gi Nguy n Th
Đào-Nguy n Hoài Nguyên “T ng trong
l i v n tr n thu t c a *Cát b i h n ai* và
Chi u chi u”, do s s t nên đã đ ng sai
tiêu đ bài báo. Chúng tôi xin đ c đ i
chính nh sau: “T ng trong l i v n tr n
thu t c a *Cát b i chân ai* và *Chi u chi u*”.

Thành th t xin l i tác gi và b n đ c.

NNĐS